TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 53/2017/HNGĐ-ST.
Ngày 24/11 /2017.
V/v tranh chấp " HNGĐ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Khúc Văn Bằng .
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Giáp Văn Phẩm.
2/ Ông Trần Đăng Thanh.
Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hiếu.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 293/2017/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp " Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định hoãn phiên Tòa số: 34/QĐ- DS, ngày 17/11/2017 giữa các đương sự:

1/Nguyên đơn: Chị Lê Thị M, sinh năm 1990(Có mặt).

2/Bị đơn: Anh Ngô Văn H, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Đều chung địa chỉ: Thôn L, H G, L N, Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 09/10/2017, bản tự khai và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết tại Tòa án nguyên đơn chị Lê Thị M trình bày**:** Chị và anh Ngô Văn H tự nguyện tự do tìm hiểu cùng nhau đi đăng ký kết hôn vào ngày 30/12/2015 tại UBND xã H G, L N, Bắc Giang. Hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào ngày 14/1/2016, sau ngày cưới chị về gia đình anh H làm dâu và sống chung cùng anh H, tình cảm vợ chồng hoà thuận hạnh phúc và đã sinh được một người con chung. Mâu thuẫn phát sinh xảy ra vào ngày không ngày tháng không nhớ**,** nhưng khoảng đầu năm 2016, nguyên nhân do trong cuộc sống vợ chồng không hợp nhau, không tôn trọng lẫn nhau, anh H ham chơi không quan tâm vợ con và không phát triển được kinh tế gia đình dẫn đến cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng. Tháng 11/2016 chị về bên ngoại ở vợ chồng cũng đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, không hàn gắn được nữa nguyện vọng chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh H.

Con chung: Vợ chồng sinh được một người con chung cháu Ngô Minh N, sinh ngày 17/10/2016 hiện đang ở cùng với chị. Sau khi ly hôn chị có nguyện

vọng tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh H đóng góp tiền cấp dưỡng, chị đang làm tại Công ty Sam sung mức thu nhập hàng tháng từ 6 đến 8 triệu đồng.

Tài sản chung, công nợ chung vợ chồng: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết .

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai ngày 19/10/2017 và những lời khai tiếp theo tại Tòa án bị đơn anh Ngô Văn H trình bày: Anh và chị Lê Thị M được tìm hiểu tự nguyện cùng nhau ký kết giấy đăng ký kết hôn vào ngày 30/12/2015 tại UBND xã H G, LN, Bắc Giang. Hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, sau ngày c-ưới chị M về gia đình anh làm dâu và sống chung cựng anh. Tình cảm vợ chồng ban đầu hoà hợp hạnh phúc, đến nay vợ chồng đã có một người con chung.

Mâu thuẫn phát sinh nhỏ ngay sau khi vợ chồng cưới nhau về đã xẩy ra mâu thuẫn như vợ chồng không hợp nhau, không tôn trọng nhau, mỗi người một ý, dẫn đến không bảo được nhau trong việc phát triển kinh tế gia đình, dẫn đến cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, anh và chị M sống ly thân từ tháng 12/2016 đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh và gia đình đã đến đón và động viên chị M về đoàn tụ vợ chồng nhưng chị M không về. Nay anh xác định vẫn còn tình cảm, chị M làm đơn xin ly hôn, anh không nhất trí nguyện vọng đoàn tụ vợ chồng, để nuôi dậy con.

Con chung: Vợ chồng sinh được một người con chung cháu Ngô Minh N, sinh ngày 17/10/2016. Nếu vợ chồng ly hôn chị M có nguyện vọng nuôi con, anh nhất trí. Đối với việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con anh không đóng góp.

Tài sản chung, công nợ chung vợ chồng: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng.

*Đại diện VKSND huyện Lục Ngạn tại phiên Toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án sau:

+ Thủ tục tố tụng: Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án cũng như đương sự là nguyên đơn tại phiên tòa đều chấp hành đúng qui định tại: Các Điều 70; 71; 191; 195; 196; 205; 208; 209; 210 và Điều 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn không chấp hành theo Điều 70; 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28 Điều 35; 147; 171/BLTTDS. Khoản 1 Điều 14; khoản 1 Điều 53; Điều 54; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân & GĐ năm 2014. Điều 6; 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án. Điều 6; 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án.

- Xử: Chị Lê Thị M được ly hôn anh Ngô Văn H.

- Con chung: Giao cháu Ngô Minh N, sinh ngày 17/10/2016 cho chị Lê Thị M tiếp tục trông nom giáo dục, nuôi dưỡng. Đối với việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chị Lê Thị M không yêu cầu nên khong đặt ra xem xét giải quyết.

- Tài sản và công nợ: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Án phí: Chị Lê Thị M phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả xét hỏi và tranh luận tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn nhận định:

[I]. Thủ tục tố tụng: Anh Ngô Văn H là bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa lần thứ nhất không lý do, Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhưng đến nay vẫn vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[II]. Quan hệ pháp luật: Chị Lê Thị M có đơn yêu cầu, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Ngô Văn H và con chung. Đây là vụ kiện tranh chấp " Hôn nhân gia đình" được qui định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[III]. Nội dung vụ án thì thấy:

1.Quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị M và anh Ngô Văn H được tự do tìm hiểu và tự nguyện cùng nhau đăng ký kết hôn vào ngày 30/12/2015 tại UBND xã H G, L N, Bắc Giang, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương đây là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới chị M về gia đình anh H làm dâu và sống chung cùng anh H, tình cảm vợ chồng ban đầu hoà thuận hạnh phúc và đã sinh được một người con chung. Mâu thuẫn phát sinh từ khoảng đầu năm 2016, nguyên nhân do trong cuộc sống vợ chồng không hợp nhau, không tôn trọng lẫn nhau, chị M cho rằng anh H ham chơi không phát triển được kinh tế gia đình và quan tâm vợ con đến cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng. Đến tháng 11/2016 chị về bên ngoại ở vợ chồng cũng đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Theo lời khai anh H trình bầy chị M về bên ngoại ở và vợ chồng cũng ly thân nhau như chị M trình bầy là đúng, khi chị M về bên ngoại ở anh và gia đình đã về bên ngoại đón, nhưng chị M không về, nay chị M xin ly hôn anh không nhất trí. Tại phiên tòa hôm nay chị M cho rằng tình cảm vợ chồng không còn chị vẫn cương quyết giữ nguyên đơn khởi kiện đề nghị được ly hôn anh H. Xét thấy chị M và anh H ly thân nhau cũng đã một thời gian dài không còn quan hệ tình cảm vợ chồng với nhau nữa, điều đó chứng tỏ rằng không quan tâm đến nhau nữa. Như vậy đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được nguyện vọng chị M xin ly hôn là có căn cứ chấp phận phù hợp với các Điều 53, 54 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 xử: Chị Lê Thị M được ly hôn anh Ngô Văn H.

2.Con chung: Chị Lê Thị M và anh Ngô Văn H sinh được một người con chung cháu Ngô Minh N, sinh ngày 17/10/2016 hiện đang ở với chị M. Quá trình giải quyết chị M có nguyện vọng nuôi con anh H cũng nhất trí. Tại phiên Tòa hôm nay chi M có nguyện vọng tha thiết xin được nuôi con không yêu cầu anh H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy cháu Ngô Minh N hiện nay chưa đủ 3 tuổi chị M có nguyện vọng xin nuôi con là có căn cứ chấp nhận phù hợp với Điều 81 luật hôn nhân gia đình năm 2014, do vậy cần giao cháu Ngô Minh N, sinh ngày 17/10/ 2016 cho chị M tiếp trục trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Sau khi ly hôn anh Ngô Văn H có quyền được thăm nom con không ai được cản trở là phù hợp với khoảng 3 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Đối với việc đóng góp tiền cấp dường nuôi con các bên đương sự không đề cập xem xét nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3.Tài sản riêng, chung; đất ruộng nông nghiệp và công nợ chung: Các đương sự không đề cập xem xét, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Án phí: Chị Lê Thị M phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình.

Xác nhận chị Lê Thị M đã nộp 300.000đ(ba trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu dự phí số: AA/2016/0003075, ngày 09/10/2017 tại Chi cục THADS huyện Lục Ngạn, khoản tiền này được khấu trừ vào tiền án phí chị Minh đã nộp đủ không phải nộp nữa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Điều luật áp dụng: Áp dụng khoản 1 Điều 28 Điều 35; Điều 147; Điều 171; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 14; khoản 1 Điều 53; Điều 54; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân & GĐ năm 2014. Điều 6; 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội, qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2/ Xử: Chị Lê Thị M được ly hôn anh Ngô Văn H.

3/ Con chung: Giao cháu Ngô Minh N, sinh ngày 17/10/ 2016 cho chị Lê Thị M tiếp trục trông nom nuôi dưỡng giáo dục. Sau khi ly hôn anh Ngô Văn H có quyền được thăm nom con không ai được cản trở. Đối với việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con các bên đương sự không đề cập xem xét giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Tài sản chung, riêng, đất ruộng nông nghiệp và công nợ: Không đặt ra xem xét giải quyết.

5/Án phí: Chị Lê Thị M phải nộp 300.000đ(ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình.

Xác nhận chị Lê Thị M đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu dự phí số: AA/2016/0003075,ngày 09/10/2017 tại Chi cục THADS huyện Lục Ngạn, khoản tiền này được khấu trừ vào tiền án phí chị Minh đã nộp đủ không phải nộp nữa.

6/ Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện, tỉnh;*
- *TAND tỉnh;*
- *Chi cục THADS huyện;*
- *UBND xã H G;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà.

HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC.

Lục Ngạn, ngày 05 tháng 04 năm 2017.

BIÊN BẢN
THẢO LUẬN VÀ NGHỊ ÁN
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN - BẮC GIANG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Ông Khúc Văn Bằng.**
Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Phạm Công Chấn.**
2 . Bà Vũ Thị Mai.

Căn cứ vào Điều 264 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Vào hồi 9 giờ 00 phút, ngày 05 tháng 04 năm 2017; tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành thảo luận và nghị án đối với vụ kiện tranh chấp" Hôn nhân gia đình" giữa:

1/ Nguyên đơn: La Thị Bút, Sinh năm 1982.
Địa chỉ: Bản Noóc, Chu Túc, Văn Quan, Lạng Sơn.

2/ Bị đơn: Vi Văn Thắng, Sinh năm 1986 .
Địa chỉ: Dọc Song, Biên Sơn, Lục Ngạn, Bắc Giang.

Sau khi thảo luận và nghị án HĐXX cần thảo luận và nghị án những nội dung sau:

Xét thấy: bị đơn anh Vi văn Thắng vắng mặt lần thứ nhất không lý do.

Căn cứ khoản 1 Điều 227; 233,235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

1/ Hoãn phiên tòa xét xử sơ thẩm thụ lý số 14/2017/TLST – HNGĐ, ngày 13/1/2017.

Thời gian mở lại phiên tòa : Hồi 7 giờ 30 phút ngày 03/5/2017.

Địa điểm : Trụ sở TAND huyện Lục Ngạn.

Kết quả biểu quyết: 3/3

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN TP: CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ SƠ THẨM